

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/KDTM-ST

Ngày: 21/6/2022.

V/v: “Tranh chấp về hợp
đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Lan Ngọc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Đỗ Thị Thu Hương

2/ Bà Võ Từ Xuân Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân
quận T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T:* Bà Võ Ngọc Liên Hương -
Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm
công khai vụ án thụ lý số: 84/TLST-KDTM ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc
“Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 107/2022/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn
phiên tòa số 104/2022/QĐST – KDTM ngày 30/5/2022 và Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số 174/2022/QĐXXST- KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa
các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S;

Trụ sở: 102 đường C, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quốc Kh, sinh năm
1992 (Đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 23/11/2020) (Có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại N;

Trụ sở: 387 đường Tr, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1959; Địa
chỉ: Số 387 đường Tr, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người
đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2015 đến 2017, Công ty Cổ phần S (Viết tắt là Công ty S) và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại N (Viết tắt là Công ty N) đã ký kết và thực hiện một số hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng gia công. Việc mua bán và gia công hàng hóa giữa Công ty N và Công ty S được thực hiện theo phương thức đặt hàng và ký kết hợp đồng cho từng đơn hàng. Căn cứ theo đặt hàng của Công ty N, Công ty S sẽ lập hợp đồng để xác định giá cả, số lượng, chủng loại và phương thức thanh toán cho từng đơn đặt hàng. Sau khi giao hàng, Công ty S sẽ phát hành hóa đơn cho Công ty N để làm căn cứ thanh toán.

Ngày 15/7/2019, Công ty N và Công ty S có lập biên bản đối chiếu kinh doanh công nợ. Tính đến ngày 15/7/2019, Công ty N nợ Công ty S tổng số tiền là 15.934.989.502 đồng. Sau khi lập bảng đối chiếu công nợ, Công ty S đã nhiều lần yêu cầu Công ty N thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nêu trên nhưng Công ty N không thực hiện làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty S. Nay Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty N thanh toán cho Công ty S tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán, tạm tính từ ngày 15/7/2019 đến ngày 21/6/2022 là 21.059.682.125 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 15.934.989.502 đồng, lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 15/7/2019 đến ngày 21/6/2022: $(15.934.989.502 \text{ đồng} \times 0.03\%/\text{ngày}) \times 1072 \text{ ngày} = 5.124.692.623 \text{ đồng}$.

Yêu cầu thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty N trả lại cho Công ty S số tiền mua hàng còn nợ và lãi phát sinh do chậm thanh toán, tạm tính từ ngày 15/7/2019 đến ngày 21/6/2022 là: 21.059.682.125 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 15.934.989.502 đồng, lãi phát sinh do chậm thanh toán: $(15.934.989.502 \text{ đồng} \times 0.03\%/\text{ngày}) \times 1072 \text{ ngày} = 5.124.692.623 \text{ đồng}$, yêu cầu thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty S có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty N thanh toán tiền mua hàng còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa (thanh toán tiền mua hàng còn thiếu) theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0301419926, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06/9/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty có địa chỉ trụ sở chính tại: 387 đường Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 02, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Công ty S khởi kiện Công ty N tại Tòa án nhân dân quận T là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Về tư cách tố tụng:

Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn Công ty Cổ phần S; bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại N.

Căn cứ theo Giấy ủy quyền ngày 23/11/2020 thì việc ủy quyền là hợp pháp, nên ông Trần Quốc Khải có đủ tư cách đại diện theo ủy quyền của Công ty S tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn – Công ty N do ông Nguyễn Ngọc Đức đại diện theo pháp luật vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ các Hợp đồng mua bán hàng hóa số 114/HĐMB-VPC ngày 01/4/2014, số 207/HĐMB-VPC ngày 01/01/2018 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/7/2019, thì có cơ sở xác nhận giữa nguyên đơn Công ty S và bị đơn Công ty N có thực hiện việc mua bán - giao nhận hàng hóa nhiều lần, nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện việc thanh toán công nợ còn thiếu.

Hội đồng xét xử nhận định, giữa Công ty Công ty S và Công ty N đã lập biên bản đối chiếu công nợ nghĩa là bị đơn thừa nhận nợ theo biên bản đối chiếu công nợ nhưng lại không thực hiện việc thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ còn thiếu 15.934.989.502 đồng - Căn cứ theo quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại 2005; Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 là có cơ sở để chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ theo Điều 4 của các Hợp đồng mua bán hàng hóa số 114/HĐMB-VPC ngày 01/4/2014, số 207/HĐMB-VPC ngày 01/01/2018 có quy định về phương thức thanh toán có thỏa thuận việc phải thanh toán tiền lãi nếu chậm thanh toán. Về lãi suất, các đương sự có thỏa thuận nếu chậm thanh toán từ 91 ngày trở lên thì phải chịu lãi suất là 0.06%/ngày, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi là 0.03%/ngày/số tiền chậm thanh toán là phù hợp quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Về thời hạn tính lãi, nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 15/7/2019 đến ngày 21/6/2022 là ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền 15.934.989.502 đồng là $(15.934.989.502 \text{ đồng} \times 0.03\%/\text{ngày}) \times 1072 \text{ ngày} = 5.124.692.623 \text{ đồng}$

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi là 15.934.989.502 đồng + 5.124.692.623 đồng = 21.059.682.125 đồng (Hai mươi một tỷ không trăm năm mươi chín triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn một trăm hai mươi lăm) đồng.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Xét, bị đơn Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty S yêu cầu Công ty N thanh toán một lần toàn bộ số tiền nêu trên là phù hợp, nên được chấp nhận.

[2.4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty N phải chịu án phí. Công ty S được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại 2005;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S.

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại N thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S tiền còn thiếu là 21.059.682.125 (Hai mươi một tỷ không trăm năm mươi chín triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn một trăm hai mươi lăm) đồng (trong đó nợ gốc là 15.934.989.502 đồng và nợ lãi do chậm thanh toán là 5.124.692.623 đồng)

Thời hạn và phương thức thanh toán: thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại N chậm thanh toán thì Công ty Cổ phần S có quyền yêu cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại N trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại N phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 129,059,682 (Một trăm hai mươi chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi hai) đồng.

Hoàn lại Công ty Cổ phần S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 63.250.262 (Sáu mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn hai trăm sáu mươi hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0030535 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc